

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/10/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đăng Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Kim Hồng.

2. Ông Nguyễn Văn Khóa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Ngô Cao C, sinh ngày 05/5/1982.

Địa chỉ cư trú: Khu dân cư N, phường C, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

**Bị đơn:** Chị L, sinh ngày 15/01/1986; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ cư trú: Hẻm V, khóm 011 phường H, khu N thành phố Đ, Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Ngô Cao C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L quen biết khi anh C lao động ở Đài Loan. Anh chị tìm hiểu nhau một thời gian, khi anh C hết thời hạn hợp đồng lao động về Việt Nam thì hai bên vẫn giữ liên lạc với nhau và sau đó quyết định kết hôn. Anh C và chị L đăng ký kết hôn ngày 20/8/2014 tại Sở Tư pháp tỉnh Hải

Dương. Sau khi kết hôn được khoảng 01 tuần thì chị L về Đài Loan để làm thủ tục đón anh C sang đoàn tụ. Tuy nhiên từ khi chị L về Đài Loan thì không làm thủ tục đoàn tụ với anh C, không liên lạc hay thông báo gì cho anh C. Anh C đã nhờ bạn bè ở Đài Loan liên lạc với chị L nhưng không có kết quả. Đến nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Anh C tự nguyện chịu cả chi phí dịch thuật công chứng, chi phí ủy thác tư pháp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị L** có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) hiện đang ở Đài Loan. Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp Việt Nam để tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của chị L theo quy định và đã nhận được thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Theo đó Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 16/6/2020 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng chị L. Tuy nhiên chị L không đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương làm việc theo thời gian, địa điểm được thông báo và cũng không có văn bản nêu quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của anh C.

**Tại phiên tòa** anh C và chị L vắng mặt (anh C đề nghị giải quyết vắng mặt).

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử đến phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, thư ký Tòa án và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Ngô Cao C được ly hôn chị L. Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Anh Ngô Cao C có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) hiện đang ở Đài Loan. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự: Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thông qua Bộ Tư pháp để

tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của chị L. Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 16/6/2020 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng chị L. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, Tòa án đã mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt anh C và chị L là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Anh C và chị L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 20/8/2014 đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn khoảng 01 tuần, chị L quay về Đài Loan. Tuy nhiên sau đó chị L không làm thủ tục đón anh C sang Đài Loan đoàn tụ, không thông báo, liên lạc với anh C và cũng không về Việt Nam thăm anh C. Xét thấy anh C và chị L mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không có cuộc sống chung vợ chồng, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung:** Anh C xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên HĐXX không xét. Chị L không có văn bản thể hiện quan điểm nên nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

**[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:** Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C tự nguyện chịu cả chi phí ủy thác tư pháp, dịch thuật công chứng, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS; chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Ngô Cao C được ly hôn chị L.

**2. Về án phí:** Anh Ngô Cao C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0000728 ngày 18/12/2019. Anh C đã nộp đủ án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Anh Ngô Cao C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**BÙI ĐĂNG HUY**

